



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	15.625.871	3.500.316	22,4	120,6
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.220.371	3.129.262	27,9	111,9
I	Chi đầu tư phát triển	3.944.566	1.201.346	30,5	141,3
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.944.566	1.201.346	30,5	141,3
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	7.040.025	1.927.916	27,4	99,0
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.273.345	620.902	19,0	95,7
2	Chi khoa học và công nghệ	60.496	26.917	44,5	80,2
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	932.300	312.178	33,5	116,6
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	102.524	22.885	22,3	93,8
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	53.348	10.062	18,9	102,5
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.095	5.203	10,8	74,4
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	41.838	7.216	17,2	51,2
8	Chi sự nghiệp kinh tế	730.112	320.504	43,9	71,4
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.284.989	359.469	28,0	121,4
10	Chi bảo đảm xã hội	241.505	190.365	78,8	131,1
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.300			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.360			
V	Dự phòng ngân sách	231.120			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	4.405.500	371.054	8,4	354,3
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	617.535	921	0,1	
2	Chương trình mục tiêu do NSTW bổ sung cho NSDP	3.787.965	370.133	9,8	353,4